**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**Huyện Tân Hiệp**
Tỉnh Kiên Giang
---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/HNGĐ- ST
Ngày 08/10/2019.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: **Ông Lê Quang Nhật**
**Các Hội thẩm nhân dân**: **1. Ông Từ Tứ Hải**
**2. Ông Văn Thành Nhiều**
**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ N B, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*** **:** Anh **Trần Duy P**, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ N B, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

# NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: tôi và anh Trần Duy P chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và anh P có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 02 năm và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và anh P không có trách nhiệm với vợ con, tôi phải tự nuôi 02 con một mình. Tôi có khuyên anh P nhiều lần nhưng anh P không nghe vẫn chứng nào tật ấy, hiện nay tôi và anh P đã sống ly thân với nhau từ tháng 06 năm 2017 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1. Trần Đăng Gia B, sinh ngày 17/07/2007

2. Trần Đăng Thiên B, sinh ngày 29/03/2014

Các cháu hiện đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận.
- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

**Tại phiên tòa chị N yêu cầu:**

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Trần Duy P.

Về quan hệ con chung: chị xin nhận nuôi 02 con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn anh Trần Duy P trình bày**: Theo bản tự khai và biên bản phiên đối chất ngày 25/9/2019 anh P trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Ánh N chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng hay cự cãi.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm:

1. Trần Đăng Gia B, sinh ngày 17/07/2007

2. Trần Đăng Thiên B, sinh ngày 29/03/2014

Các cháu hiện đang chung sống với vợ tôi.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Tòa án anh P yêu cầu:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị Ánh N.

Về quan hệ con chung: Tôi đồng ý giao 02 con cho cô N nuôi dưỡng, tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Trần Duy P với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh P đã được Tòa án tống đạt, thông báo quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Trần Duy P là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì chị N và anh P chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì chị N, anh P chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị N xin được nhận nuôi 02 con là cháu Trần Đăng Gia B, sinh ngày 17/07/2007 và cháu Trần Đăng Thiên B, sinh ngày 29/03/2014, chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.500.000đ/01tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Xét thấy giao cháu Trần Đăng Gia B, sinh ngày 17/07/2007 và cháu Trần Đăng Thiên B, sinh ngày 29/03/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là có cơ sở chấp nhận, vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Tại phiên đối chất thì anh P cũng đồng ý giao 02 con cho chị N chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] Xét yêu cầu của chị N yêu cầu anh Trần Duy P cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi là có cơ chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi

con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tại phiên đối chất cho thấy anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền mỗi tháng là 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử ghi nhận, thời gian bắt đầu anh P cấp dưỡng cho 02 con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung**: do chị N và anh P tự nguyện thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

**Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: chị Nguyễn Thị Ánh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003457 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**Về án phí cấp dưỡng:** anh P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử**:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Trần Duy P là vợ chồng.

**2. Về quan hệ con chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Trần Duy P. Giao cháu cháu Trần Đăng Gia B, sinh ngày 17/07/2007 và cháu Trần Đăng Thiên B, sinh ngày 29/03/2014 cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền mỗi tháng là 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

**3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003457 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ.

**4. Về án phí cấp dưỡng:** Buộc anh Trần Duy P nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Ánh N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Trần Duy P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
*- VKSND huyện Tân Hiệp.*
**TÒA**
*- TAND tỉnh Kiên Giang .*
*- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
*- Các đương sự.*
*- Lưu HS.*
*- Lưu VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

(Đã ký)

**Lê Quang Nhật**